

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 11 năm 2018

V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Nguyễn Ánh D

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Quốc S

2. Ông Nguyễn Lâm G

* **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị D –Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

* **Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị B- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2018/QĐST – HNGĐ ngày 02/11/2018 (Án định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Phạm Khả C, sinh năm 1986 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2018 của nguyên đơn là anh Phạm Khả C và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 22/4/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới thì vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu tháng 01/2014 chị L bỏ nhà, đi đâu không rõ, đến nay vẫn không có tin tức gì, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nơi cư trú cuối cùng của chị L: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B. Ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân huyện T ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2018/QĐDS- ST tuyên bố chị Nguyễn Thị L mất tích. Nay anh C thấy tình cảm

vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng anh chị chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2018, tại UBND xã N, Công an xã N và phó thôn B cho biết: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, có hộ khẩu và cư trú: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B. Chị L kết hôn với anh Phạm Khả C. Chị L đã vắng mặt tại địa phương từ cuối năm 2013 đến nay, không về địa phương lần nào và cũng không có tin tức gì.

* Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thị L gồm:

Ngày 05/7/2018 niêm yết và lập biên bản niêm yết đối với Thông báo về việc thụ lý vụ án số 186/TB-TLVA ngày 05/7/2018 đối với chị L.

Ngày 06/8/2018 niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 31/QĐ- CCTLCC ngày 06/8/2018 của TAND huyện T đối với chị L.

Ngày 17/9/2018 niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 186/TB-TA ngày 17/9/2018 đối với chị L. Ngày 02/10/2018 niêm yết hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 186/TB-TA ngày 02/10/2018 đối với chị L.

Ngày 18/10/2018 niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/10/2018 đối với chị L.

Ngày 02/11/2018 niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2018/QĐST – HNGĐ ngày 02/11/2018 đối với chị L.

Chị Nguyễn Thị L đã được tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị L không có mặt để làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà chị L là bị đơn.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị Nguyễn Thị L không có mặt để tham gia hoà giải.

Tại phiên toà hôm nay, đương sự giữ nguyên ý kiến và không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chị L không có mặt và chấp hành chưa nghiêm túc pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 01 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Khả C được ly hôn chị Nguyễn Thị L.
 2. Về con chung: Anh Phạm Khả C, chị Nguyễn Thị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Phạm Khả C, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Khả C phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2018 và tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2018/QĐDS- ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T (đang có hiệu lực pháp luật) đã xác định nơi cư trú cuối cùng của chị Nguyễn Thị L được xác định là: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh B. Quá trình giải quyết về yêu cầu tuyên bố chị Nguyễn Thị L mất tích thì Tòa án đã thông báo tìm kiếm chị L trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có tin tức về chị L. Do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú cuối cùng của chị Nguyễn Thị L, niêm yết tại UBND xã N và trụ sở Tòa án nhân dân huyện T là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với chị Nguyễn Thị L nhưng chị L vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ vợ chồng của anh Phạm Khả C và chị Nguyễn Thị L thấy: Anh C và chị L có tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Ngày 22/4/2013 anh C và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T và tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Anh Phạm Khả C và chị Nguyễn Thị L không vi phạm về điều kiện kết hôn, không vi phạm những quy định về trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh Phạm Khả C và chị Nguyễn Thị L được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Khả C thấy: Thời gian đầu quan hệ vợ chồng giữa anh C - chị L chung sống hạnh phúc. Sau đó đến đầu tháng 01/2014 đương lịch thì chị L bỏ nhà đi, nay vẫn không có tin tức gì. Đến nay vợ chồng anh C- chị L đã không cùng nhau chung sống được hơn 04 năm. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2018/QĐDS-ST, ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố chị L mất tích.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa anh Phạm Khả C và chị Nguyễn Thị L không đảm bảo hạnh phúc gia đình. Giữa vợ chồng anh C - chị L không có sự gần gũi, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình no ấm. Anh C - chị L có thời gian dài không cùng nhau chung sống,

không quan tâm đến nhau và không có tin tức về nhau mặc dù chị L đã được thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không thấy về đoàn tụ vợ chồng. Nay chị L bị tuyên bố mất tích. Xét thấy tình trạng tình cảm vợ chồng của anh C, chị L ngày càng xa cách, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xác định tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị L không còn chung sống, đoàn tụ được nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Khả C là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 2, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2, Điều 68 của Bộ luật dân sự.

[3] Về con chung: anh Phạm Khả C và chị Nguyễn Thị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Phạm Khả C và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Khả C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Điều 51; khoản 2, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 2, Điều 68 của Bộ luật dân sự; khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Khả C được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Anh Phạm Khả C, chị Nguyễn Thị L không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Phạm Khả C và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí : Anh Phạm Khả C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002042 ngày 05/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B; Anh Phạm Khả C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã N;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hs.

Nguyễn Ánh D